BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG

Đại đội 9

Tiểu đội 1

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Hà Thị Hoài	Tâm	10/05/1994		5	6	6	5.7	Năm bảy	
2	Lê Thị Thanh	Tâm	29/09/1994		6	7	7	6.7	Sáu bảy	
3	Ngô Nhân	Tâm	16/09/1994		6	6	7	6.3	Sáu ba	
4	Đỗ Văn	Tấn	26/04/1994		5	5	7	5.7	Năm bảy	
5	Võ Phước	Tân	01/06/1994		6	7	8	7.0	Bảy	
6	Bùi Vũ Tấn	Tài	03/08/1994		6	6	5	5.7	Năm bảy	
7	Đoàn Minh	Tài	18/07/1994		5	6	8	6.3	Sáu ba	
8	Trương Thị	Thắm	28/02/1993		7	7	5	6.3	Sáu ba	
9	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	12/10/1994		6	7	6	6.3	Sáu ba	
10	Trần Châu	Thanh	07/06/1994		8	7	7	7.3	Bảy ba	
11	Phan Thị Kim	Thanh	12/01/1994		7	6	7	6.7	Sáu bảy	
12	Nguyễn Bá	Thanh	08/08/1993		7	6	5	6.0	Sáu	
13	Phạm Phương	Thanh	25/08/1994		7	6	8	7.0	Bảy	
14	Nguyễn Phạm Quốc	Thành	21/03/1994		5	7	5	5.7	Năm bảy	
15	Nguyễn Việt	Thái	05/05/1993		7	7	6	6.7	Sáu bảy	
16	Nguyễn Thị Thu	Thảo	26/06/1994		5	7	8	6.7	Sáu bảy	
17	Trần Thị Phương	Thảo	02/02/1994		7	6	6	6.3	Sáu ba	
18	Phan Thị Thanh	Thảo	03/07/1994		6	7	7	6.7	Sáu bảy	
19	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	26/04/1994		6	6	7	6.3	Sáu ba	
20	Lê Trần Thạch	Thảo	10/10/1994		7	7	7	7.0	Bảy	
21	Trần Ngọc	Thảo	23/09/1994		7	6	7	6.7	Sáu bảy	
22										
23										
24										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG

Đại đội 9

Tiểu đội 2

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Đinh Phạm Thanh	**Thảo**	06/04/1994		7	6	7	6.7	Sáu bảy	
2	Võ Thanh	**Thảo**	01/08/1994		7	7	7	7.0	Bảy	
3	Lâm Phương	**Thảo**	08/07/1994		6	7	8	7.0	Bảy	
4	Tô Thị Thanh	**Thảo**	10/04/1993		7	6	7	6.7	Sáu bảy	
5	Dương Tuấn	**Thảo**	29/04/1994							
6	Đinh Nguyễn Thanh	**Thảo**	07/04/1994		7	7	5	6.3	Sáu ba	
7	Lê Thị Bích	**Thi**	23/05/1994		7	6	8	7.0	Bảy	
8	Nguyễn Hồng Anh	**Thi**	02/02/11994		7	6	5	6.0	Sáu	
9	Trần Nhan	**Thiện**	06/11/1992		6	6	6	6.0	Sáu	
10	Trần Văn	**Thiện**	30/10/1993		8	9	6	7.7	Bảy bảy	
11	Phan Trần Thanh	**Thư**	02/08/1994							
12	Nguyễn Thị Quỳnh	**Thư**	01/05/1994		7	6	7	6.7	Sáu bảy	
13	Ngô Minh	**Thư**	20/08/1994		6	6	6	6.0	Sáu	
14	Nguyễn Hoàng Đức	**Thịnh**	21/10/1994		7	7	8	7.3	Bảy ba	
15	Nguyễn Thị Lưu	**Thương**	09/09/1993		6	7	8	7.0	Bảy	
16	Nguyễn Minh	**Thức**	27/02/1994		7	7	7	7.0	Bảy	
17	Phan Trọng	**Thuấn**	17/04/1994		6	6	5	5.7	Năm bảy	
18	Nguyễn Thị Thanh	**Thúy**	03/03/1994							
19	Dương Ngọc	**Thúy**	16/05/1994		7	7	8	7.3	Bảy ba	
20	Võ thị Thanh	**Thủy**	20/07/1994		6	6	8	6.7	Sáu bảy	
21	Trần Thị Đức	**Thủy**	24/04/1994		6	7	7	6.7	Sáu bảy	
22										
23										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG

Đại đội 9

Tiểu đội 3

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Lê Thị	**Thủy**	21/08/1993							
2	Hoàng Thị Thanh	**Thủy**	18/09/1993	Thủy	7	6	6	63	Sáu ba	
3	Hồ Thị Thanh	**Thủy**	13/10/1993	Thuỷ	7	7	8	73	Bảy ba	
4	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	19/11/1994							
5	Âu Dũng	**Tiến**	20/09/1994	Tiến	7	7	7	70	Bảy	
6	Nguyễn Minh	**Tiến**	15/04/1994		6	7	7	67	Sáu bảy	
7	Trương Thị Thủy	**Tiên**	08/10/1994		7	7	7	70	Bảy	
8	Trương Thủy	**Tiên**	10/10/1994		5	—	—	—		
9	Nguyễn Thị Thủy	**Tiên**	11/09/1994	Tiên	7	6	6	63	Sáu ba	
10	Nguyễn Thị Thủy	**Tiên**	26/02/1994		7	8	7	73	Bảy ba	
11	Bùi Thị Ngọc	**Tiên**	19/01/1994	Tiên	6	6	5	57	Năm bảy	
12	Trương Thành	**Tín**	09/08/1994		7	6	6	63	Sáu ba	
13	Nguyễn Thành	**Tín**	15/08/1994		6	6	8	67	Sáu bảy	
14	Trần Thị	**Tươi**	05/01/1993							
15	Lê Hồng	**Tươi**	15/09/1994	Tươi	7	5	7	63	Sáu ba	
16	Nguyễn Thị Ngọc	**Trâm**	09/04/1994	Trâm	7	6	6	63	Sáu ba	
17	Hà Thị Bích	**Trâm**	26/10/1994	Trâm	7	7	5	63	Sáu ba	
18	Nguyễn Huỳnh Ngọc	**Trâm**	19/11/1994		6	7	7	67	Sáu bảy	
19	Phan Nguyễn Khánh	**Trần**	25/08/1994							
20	Lê Thị Quyền	**Trân**	12/09/1994		6	8	7	70	Bảy	
21	Trần Thị Xuân	**Trang**	01/01/1994	Xuân	6	6	7	63	Sáu ba	
22										
23										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG

Đại đội 9

Tiểu đội 4

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Nguyễn Hồng	**Trang**	07/12/1994		8	8	8	80	Tám	
2	Hồ Thị Thùy	**Trang**	19/10/1994		7	6	6	63	Sáu ba	
3	Võ Trần Thùy	**Trang**	26/11/1994		7	8	7	73	Bảy ba	
4	Nguyễn Thị Thu	**Trang**	08/10/1994		8	8	7	77	Bảy bảy	
5	Nguyễn Đặng Quỳnh	**Trang**	30/06/1993		7	8	6	70	Bảy	
6	Trần Thị Thu	**Trang**	14/09/1992		6	8	7	70	Bảy	
7	Phạm Thị Thùy	**Trang**	13/07/1994		6	8	7	70	Bảy	
8	Bùi Thùy	**Trang**	25/07/1994		7	8	7	73	Bảy ba	
9	Đặng Thị Quỳnh	**Trang**	01/10/1994		7	8	6	70	Bảy	
10	Đỗ Hoàng Thiên	**Trang**	05/10/1993		6	7	6	63	Sáu ba	
11	Nguyễn Vũ Thiên	**Trang**	11/03/1993		7	6	8	70	Bảy	
12	Nguyễn Thị Hoàng	**Trang**	27/09/1994		7	8	7	73	Bảy ba	
13	Nguyễn Thị Mỹ	**Trinh**	18/01/1994		7	6	7	67	Sáu bảy	
14	Trương Thị Phương	**Trinh**	22/01/1994		6	8	7	70	Bảy	
15	Vũ Thị Ngọc	**Trinh**	01/01/1994		7	8	5	6,7	Sáu bảy	
16	Nguyễn Tú	**Trinh**	17/07/1994		7	8	6	70	bảy	
17	Bùi Thùy	**Trinh**	14/06/1994		8	7	7	73	bảy ba	
18	Nguyễn Thị Yến	**Trinh**	16/03/1994		7	8	7	73	bảy ba	
19	Lã Bá	**Trình**	19/09/1994		7	8	7	73	bảy ba	
20	Đậu Quốc	**Trực**	25/11/1994		7	8	6	70	bảy	
21	Trần Minh	**Trọng**	26/08/1994		7	6	6	63	Sáu ba	
22										
23										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG

Đại đội 9

Tiểu đội 5

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Lê Nhựt	**Trường**	01/08/1994		6	6	7	63	Sáu ba	
2	Trần Văn	**Trường**	21/01/1993		5	6	7	60	Sáu	
3	Lê Quốc	**Trung**	28/01/1994		6	6	6	60	Sáu	
4	Trần Thị Huỳnh	**Trúc**	11/10/1994							
5	Nguyễn Thị Thanh	**Truyền**	12/02/1994		5	7	7	63	Sáu ba	
6	Nguyễn Hoàng	**Tuấn**	27/08/1994							
7	Tạ Hoàng	**Tuấn**	04/10/1994		5	6	8	63	Sáu ba	
8	Huỳnh Kỳ	**Tùng**	24/05/1994		5	6	6	57	Năm bảy	
9	Nguyễn Thanh	**Tùng**	19/10/1991		5	6	7	60	Sáu	
10	Đỗ Lê	**Tùng**	25/09/1994		5	6	5	53	Năm ba	
11	Nguyễn Thanh	**Tùng**	08/08/1993		7	6	5	60	Sáu	
12	Nguyễn Thị Cẩm	**Tú**	10/04/1994		7	6	8	70	Bảy	
13	Tôn Thị Thanh	**Tuyền**	18/03/1994		6	7	7	67	Sáu bảy	
14	Trần Thị Kim	**Tuyền**	30/10/1994		5	6	7	60	Sáu	
15	Nguyễn Văn	**Tuyên**	24/10/1993							
16	Đặng Thị Ánh	**Tuyết**	03/04/1994		6	6	7	63	Sáu ba	
17	Nguyễn Thị Hồng	**Tuyết**	03/03/1993		5	6	7	60	Sáu	
18	Hoàng Thị	**Út**	25/06/1993		6	6	7	63	Sáu ba	
19	Nguyễn Thị Thảo	**Uyên**	12/11/1993		5	5	6	53	Năm ba	
20	Lê Ngọc Uyên	**Uyên**	09/03/1994		6	6	7	63	Sáu ba	
21	Nguyễn Ngọc Tố	**Uyên**	11/03/1994		6	6	8	67	Sáu bảy	
22										
23										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG, TIẾNG ANH

Đại đội 9

Tiểu đội 6

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Lê Văn	Vàng	04/05/1993		6	7	6	63	Sáu lẻ a	
2	Võ Văn	Việt	11/12/1993		5	6	7	60	Sáu	
3	Huỳnh Bá	Vĩ	21/04/1993		6	6	6	60	Sáu	
4	Nguyễn Ngọc	Vương	01/06/1994		6	6	7	63	Sáu lẻ a	
5	Hà Thúc Phương	Vy	25/01/1994		5	6	7	60	Sáu	
6	Phan Nguyễn Tường	Vy	11/11/1994		5	6	7	60	Sáu	
7	Nguyễn Thụy Kiều	My	07/01/1993		6	6	7	63	Sáu lẻ a	
8	Phạm Tuyết	Xuân	31/12/1994		7	6	7	67	Sáu bảy	
9	Lương Thị Kim	Yến	05/11/1994		5	7	7	63	Sáu lẻ a	
10	Nguyễn Ngọc	Yến	10/10/1994		7	6	7	67	Sáu bảy	
11	Trần Thị Kim	Yến	05/05/1994		6	6	6	60	Sáu	
12	Nguyễn Kim	Yến	04/03/1994		6	6	8	67	Sáu bảy	
13	Phạm Thảo	Yên	04/09/1994		6	6	7	63	Sáu lẻ a	
14	Cao Nguyễn Xuân	Yên	22/07/1994		7	6	7	67	Sáu bảy	
15	Nguyễn Thành Minh	Sông	05/08/1994		6	6	7	63	Sáu ba	
16	Nguyễn Ngọc Gia	An	19/8/1994		6	6	7	63	Sáu ba	
17	Nguyễn Thị Kim	Anh	04/12/1993		6	6	8	67	Sáu bảy	
18	Ngô Thị Phương	Anh	20/03/1993		5	6	6	57	Năm bảy	
19	K'	Bri't	13/05/1993		6	6	7	63	Sáu ba	
20	Võ Thị Diễm	Châu	29/06/1994		6	6	7	63	Sáu ba	
21	Ngô Cẩm Bích	Châu	31/07/1994		6	6	6	60	Sáu	
22										
23										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: TIẾNG ANH

Đại đội 9

Tiểu đội 7

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Nguyễn Hồng	**Diễm**	05/12/1994		6	6	6	60	Sáu	
2	Nguyễn Thị Thùy	**Dương**	10/10/1994		6	5	7	60	Sáu	
3	Hoàng Thái	**Dương**	24/11/1994							
4	Phạm Thị Ngọc	**Dung**	22/07/1993		5	5	6	53	Năm ba	
5	Nguyễn Thị Thùy	**Dung**	19/05/1994		6	5	7	60	Sáu	
6	Nguyễn Phạm Mỹ	**Duyên**	17/11/1994		6	5	7	60	Sáu	
7	Trần Thị Ngọc	**Hậu**	25/02/1994		7	5	8	67	Sáu bảy	
8	Nguyễn Thị Thúy	**Hằng**	18/11/1994		7	5	8	67	Sáu bảy	
9	Nguyễn Thị	**Hà**	01/11/1994		5	5	7	57	Năm bảy	
10	Tăng Phú	**Hào**	01/07/1994							
11	Phùng Nguyễn Thanh	**Hảo**	28/04/1993		6	5	7	60	Sáu	
12	Nguyễn Hồ Thu	**Hiền**	16/07/1993		7	6	6	63	Sáu ba	
13	Vũ Thị	**Hoài**	13/09/1994		5	5	7	57	Năm bảy	
14	Nguyễn Thị Mỹ	**Hòa**	20/12/1994		5	5	7	57	Năm bảy	
15	Mai Thị Diễm	**Hương**	06/06/1994		6	5	7	60	Sáu	
16	Nguyễn Thị Kim	**Hường**	15/02/1994		6	5	7	60	Sáu	
17	Nguyễn Thị Viên	**Huyền**	30/11/1993		7	7	6	67	Sáu bảy	
18	Trần Phạm Ngọc	**Huyền**	01/03/1994		6	5	7	60	Sáu	
19	Huỳnh Ngọc	**Khang**	08/02/1994		6	5	7	60	Sáu	
20	Trần Nguyễn Trúc	**Lan**	30/06/1994		6	5	7	60	Sáu	
21	Phan Thị Hoài	**Linh**	16/10/1994		6	5	6	57	Năm bảy	
22										
23										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: TIẾNG ANH

Đại đội 9

Tiểu đội 8

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Đặng Thị Kim	**Loan**	1992		6	6	7	6,3	Sáu ba	
2	Bùi Ngọc	**Mai**	16/01/1994		7	7	7	7,0	Bảy	
3	Trần Thị Thùy	**Mai**	16/06/1992							
4	Nguyễn Thị Ngọc Trà	**Mi**	09/12/1993		7	7	7	7,0	Bảy	
5	Ngô Kiết	**My**	13/10/1993		5	6	6	5,7	Năm bảy	
6	Nguyễn Hoàng	**Đạt**	01/01/1994		6	6	6	6,0	Sáu	
7	Nguyễn Thị Hồng	**Đào**	29/06/1994		6	6	7	6,3	Sáu ba	
8	Phạm Thị Phương	**Nga**	29/09/1994		5	6	5	5,3	Năm ba	
9	Trần Thị Kim	**Ngân**	01/06/1993		7	6	7	6,7	Sáu bảy	
10	Nguyễn Thụy Kim	**Ngân**	23/06/1991		5	6	6	5,7	Năm bảy	
11	Lê Thị Khánh	**Ngân**	10/08/1994		6	5	7	6,0	Sáu	
12	Nguyễn Thị	**Ngọc**	04/12/1994		6	6	7	6,3	Sáu ba	
13	Phan Đông	**Nhi**	24/09/1994		6	7	7	6,7	Sáu bảy	
14	Nguyễn Trần Tố	**Nhi**	25/06/1994		5	7	7	6,3	Sáu ba	
15	Nguyễn Nữ Nguyệt	**Nhi**	20/05/1994		6	6	7	6,3	Sáu ba	
16	Phan Nguyễn Phương	**Như**	01/10/1994		5	6	6	5,7	Năm bảy	
17	Nguyễn Thị	**Ni**	22/12/1993		7	7	6	6,7	Sáu bảy	
18	Nguyễn Tương	**Ưng**	12/05/1993		6	6	5	5,7	Năm bảy	
19	Phan Thiếu	**Phân**	01/08/1993		5	7	7	6,3	Sáu ba	
20	Nguyễn Võ Kim	**Phát**	10/11/1994							
21	Lê Huỳnh Kim	**Phượng**	06/08/1994							
22										
23										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: TIẾNG ANH

Đại đội 9

Tiểu đội 9

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Võ Thị Thu	**Phượng**	13/09/1993		7	6	6	63	Sáu ba	
2	Trần Thị Bích	**Phượng**	08/09/1994		6	6	7	63	Sáu ba	
3	Bùi Thanh	**Phương**	11/05/1994		6	6	6	60	Sáu	
4	Lê Thị	**Phước**	20/04/1994		5	5	6	53	Năm ba	
5	Nguyễn Thị Ngọc	**Quyên**	05/02/1994		7	6	5	60	Sáu	
6	Nguyễn Thị Ánh	**Quý**	25/08/1994							
7	Nguyễn Thị Ngọc	**Sâm**	25/10/1994		7	7	5	57	Năm bảy	
8	Vũ Ngọc Hồng	**Tâm**	11/10/1994		7	6	5	60	Sáu	
9	Đặng Hồ Thanh	**Tâm**	21/02/1994		6	6	7	63	Sáu ba	
10	Lê Thị Nhân	**Tâm**	17/07/1994		6	6	7	63	Sáu ba	
11	Nguyễn Đức	**Tài**	30/07/1993		7	7	7	70	Bảy	
12	Nguyễn Trung	**Thắng**	10/10/1994							
13	Đỗ Phước	**Thành**	26/10/1994		8	6	7	70	Bảy	
14	Lê Thị Dạ	**Thảo**	23/02/1994							
15	Nguyễn Thị	**Thêm**	08/07/1993							
16	Nguyễn Minh	**Thiện**	21/08/1994		7	6	7	67	Sáu bảy	
17	Nguyễn Thị Kim	**Thoa**	08/10/1994		7	6	5	60	Sáu	
18	Bùi Thanh	**Thụy**	08/05/1993		7	6	7	67	Sáu bảy	
19	Phạm Trần Thanh	**Thúy**	01/11/1994		5	6	7	60	Sáu	
20	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	27/10/1993		7	7	7	70	Bảy	
21	Đặng Ngọc Phương	**Thy**	08/10/1994		7	7	6	67	Sáu bảy	
22	Nguyễn Thị Chúy Liễu		8/8/1994		7	7	6	67	Sáu bảy	
23										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: TIẾNG ANH

Đại đội 9

Tiểu đội 10

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Nguyễn Thị Thanh	**Tiền**	14/05/1994		6	6	7	63	Sáu lẻ ba	
2	Đỗ Thị Kiều	**Tiên**	11/07/1993		7	6	6	63	Sáu lẻ ba	
3	Kim Thị	**Tịnh**	25/04/1994		5	6	6	57	Năm bảy	
4	Trần Thị Thùy	**Trâm**	01/02/1994		6	6	6	60	Sáu	
5	Trần Thị Ngọc	**Trâm**	28/09/1994		6	7	6	63	Sáu lẻ ba	
6	Lý Thanh Huyền	**Trân**	16/08/1993		6	7	7	67	Sáu bảy	
7	Nguyễn Lê Thùy	**Trang**	26/02/1994		6	5	7	60	Sáu	
8	Huỳnh Thị Hoàng	**Trang**	09/12/1992		7	7	6	67	Sáu bảy	
9	Lê Thị Thùy	**Trang**	12/02/1994		5	6	7	60	Sáu	
10	Trần Thị Thanh	**Trà**	25/07/1994		5	7	6	60	Sáu	
11	Nguyễn Thị Thanh	**Trúc**	19/05/1993		7	6	5	60	Sáu	
12	Bùi Quốc	**Tuấn**	19/04/1994		6	6	6	60	Sáu	
13	Nguyễn Ngọc	**Tú**	20/05/1994		5	6	5	53	Năm ba	
14	Đỗ Thị Minh	**Tuyết**	26/03/1993		7	5	7	63	Sáu lẻ ba	
15	Hoàng Thảo	**Uyên**	12/02/1994		7	7	7	70	Bảy	
16	Bạch Ngọc Phương	**Uyên**	29/12/1992		6	6	5	57	Năm bảy	
17	Dương Thị Hồng	**Vân**	01/07/1994		7	6	5	60	Sáu	
18	Lê Thị Anh	**Vân**	10/07/1994		5	5	7	57	Năm bảy	
19	Nguyễn Thúy	**Vy**	06/07/1994		6	6	7	63	Sáu lẻ ba	
20	Lê Triều	**Vỹ**	26/09/1992		6	7	6	63	Sáu lẻ ba	
21	Phan Văn	**Vỹ**	09/03/1993		6	6	5	57	Năm bảy	
22	Lê Thị Kim	**Yến**	08/08/1994		5	6	7	60	Sáu	
23										